UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 38 /2008/QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2008*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý Nhà nước đối với hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2008/NQ-QH12 ngày 29/5/2008 của Quốc hội khoá XII về việc điều chỉnh địa giới hành chính Thành phố Hà Nội và một số tỉnh có liên quan;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai; số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ; số 30/2005/NĐ-CP ngày 11/3/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ; Quyết định số 33/2008/QĐ-TTg ngày 27/2/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04/5/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về ban hành quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ; Thông tư 02/2007/TT-BTNMT ngày 12/02/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình đo đạc và bản đồ; Thông tư số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV ngày 15/7/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc UBND các cấp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 347/TTr – STNMT ngày 10 tháng 9 năm 2008 và Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 62/STP-VBPQ ngày 25 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý Nhà nước đối với hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch UBND các quận, huyện và thành phố trực thuộc (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện); các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đ/c Chủ tịch UBND Thành phố;
(để báo cáo)
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TN&MT, XD, TP, TC;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP;
- Văn phòng Thành uỷ;
- Văn phòng HĐND và ĐĐBQHHN;
- Như Điều 3;
- CPVP, TH, các Phòng CV;
- Trung tâm công báo
(để đăng công báo);
- Lưu, Nth (8 b), VT (120b).

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý Nhà nước đối với hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội

(ban hành kèm theo Quyết định số 38 / 2008 /QĐ-UBND, ngày 22 tháng 10 năm 2008 của Uỷ ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy định này thống nhất quản lý đối với hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Tổ chức, cá nhân trong nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài có chức năng hành nghề đo đạc và bản đồ tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố; tổ chức, cá nhân trong nước, các tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ liên quan đến lĩnh vực quản lý tài nguyên và môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội có trách nhiệm thực hiện Quy định này (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân).

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Đo đạc là hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị thu nhận thông tin và xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và các thông tin liên quan của các đối tượng ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian. Các thể loại đo đạc gồm: đo đạc mặt đất, đo đạc đáy nước, đo đạc trọng lực, đo đạc ảnh, đo đạc hàng không, đo đạc vệ tinh, đo đạc hàng hải, đo đạc thiên văn, đo đạc vũ trụ.

2. Bản đồ là hoạt động khoa học kỹ thuật thu nhận và xử lý các thông tin, dữ liệu từ quá trình đo đạc, khảo sát thực địa để biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu và mầu sắc theo quy tắc toán học nhất định. Các loại bản đồ bao gồm: bản đồ địa hình, bản đồ nền, bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng, bản đồ hành chính, bản đồ biển, bản đồ chuyên ngành và các loại bản đồ chuyên đề khác.

3. Công trình xây dựng đo đạc bao gồm: các trạm quan trắc về thiên văn, vệ tinh, trọng lực, độ cao, độ sâu, thời gian; các điểm gốc đo đạc quốc gia; các cơ sở kiểm định tham số thiết bị đo đạc; dấu mốc của các điểm thuộc hệ thống điểm đo đạc cơ sở.

Điều 3. Quyền lợi, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Quyền lợi

a) Tổ chức, cá nhân được thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật trên địa bàn thành phố Hà Nội;

b) Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này;

c) Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ về đo đạc và bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép;

2. Trách nhiệm

a) Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật và Quy định này;

b) Tổ chức, cá nhân không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ;

c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn Thành phố.

Chương II
QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 4. Hoạt động đo đạc và bản đồ

Hoạt động đo đạc và bản đồ nhằm tạo ra các công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ để phục vụ mục đích chuyên dụng trên địa bàn Thành phố, bao gồm:

1. Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng

a) Lưới toạ độ địa chính cấp I và cấp II;

b) Lưới toạ độ, độ cao phục vụ mục đích chuyên dụng.

2. Xây dựng hệ thống bản đồ

a) Bản đồ địa chính các tỷ lệ phục vụ công tác quản lý đất đai;

b) Bản đồ địa hình các tỷ lệ phục vụ mục đích chuyên ngành như: đất đai, nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, thuỷ sản, xây dựng, khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, thuỷ văn;

c) Bản đồ hành chính các quận, huyện, thành phố trực thuộc;

d) Hệ thống bản đồ chuyên đề.

3. Cắm mốc giới: mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, tài nguyên khoáng sản, khí tượng thuỷ văn và các loại công trình khác theo quy định của Nhà nước.

4. Xây dựng hệ thống thông tin

a) Hệ thống thông tin địa lý chuyên ngành;

b) Hệ thống thông tin đất đai.

Điều 5. Hệ quy chiếu và hệ toạ độ

1. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở, hệ thống bản đồ, hệ thống thông tin quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4, Điều 4 của Quy định này phải thiết lập ở hệ quy chiếu và hệ toạ độ VN- 2000.

2. Những công trình đang triển khai ở hệ tọa độ HN-72 được phép tiếp tục thực hiện nhưng phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ tọa độ VN-2000.

3.Trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép lập lưới toạ độ (hoặc độ cao) giả định phải có phương án đo nối với hệ toạ độ, độ cao nhà nước đồng thời phải xây dựng mốc ổn định lâu dài để đo nối sau này.

Điều 6. Quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân khi tiến hành hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố phải có giấy phép hoạt động hoặc Bản đăng ký hoạt động về đo đạc và bản đồ theo quy định tại Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Điều kiện, trình tự, thủ tục, thẩm quyền đăng ký hoạt động hoặc đăng ký cấp, gia hạn, bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III của Quy chế đăng ký và cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Quyết định số 05/2004/QĐ-BTNMT ngày 04 tháng 5 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 7. Quản lý việc thành lập, xuất bản và chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Quản lý việc thành lập, xuất bản

Tổ chức, cá nhân có giấy phép hoạt động hoặc bản đăng ký hoạt động về đo đạc và bản đồ khi tiến hành thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ trên địa bàn Thành phố phải thực hiện theo đúng quy định tại Điều 6, Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22/01/2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Quản lý chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Tổ chức, cá nhân khi tiến hành thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố phải tự chịu trách nhiệm về chất lượng. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác quản lý Nhà nước trong các lĩnh vực phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định.

3. Ấn phẩm bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận mới được lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản. Các loại bản đồ không có giấy phép xuất bản hoặc chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì không được sử dụng để giải quyết những công việc mang tính pháp lý.

Điều 8. Kiểm tra, thẩm định các sản phẩm đo đạc và bản đồ dùng làm tài liệu phục vụ quản lý Nhà nước.

1. Đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ do các tổ chức, cá nhân lập được sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ mục đích quản lý tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền UBND Thành phố quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng trước khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định.

Đối với công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ do các đơn vị được UBND Thành phố giao thực hiện bằng vốn ngân sách Thành phố thì ngoài nội dung kiểm tra, thẩm định nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường còn có trách nhiệm thẩm định về tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá thực hiện.

2. Đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ do các tổ chức, cá nhân lập được sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ mục đích quản lý tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền UBND cấp huyện quyết định: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định về sự phù hợp với hồ sơ quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất đai trước khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định.

3. Đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ do các tổ chức, cá nhân lập được sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ mục đích quản lý tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của UBND phường, xã, thị trấn (sau đây là gọi chung là UBND cấp xã): Uỷ ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định về sự phù hợp với hồ sơ quản lý đất đai và hiện trạng sử dụng đất đai trước khi thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định.

4. Việc kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc bản đồ phải thực hiện theo các quy định hướng dẫn tại Thông tư số 02/2007/TT-BTNMT ngày 12/2/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất lượng công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ và các quy định khác về quản lý công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành.

5. Tổ chức, cá nhân có sản phẩm đo đạc và bản đồ được cơ quan Nhà nước kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm có trách nhiệm nộp lệ phí thẩm định theo quy định.

6. Khi sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được cơ quan quản lý cấp trên kiểm tra, thẩm định chất lượng thì cơ quan cấp dưới không phải kiểm tra, thẩm định lại.

Điều 9. Quản lý và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc

1. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Quốc gia. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn và tuyên truyền, giáo dục công dân có ý thức bảo vệ các công trình này.

2. Mọi tổ chức, cá nhân khi sử dụng các mốc điểm đo đạc cơ sở quốc gia, mốc các điểm đo đạc chuyên dụng phải báo cáo với UBND cấp xã sở tại; khi sử dụng phải giữ gìn, bảo vệ, không làm hư hỏng hoặc ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc.

3. Khi hoàn thành việc xây dựng các dấu mốc đo đạc, đơn vị thực hiện nhiệm vụ đo đạc phải lập biên bản bàn giao dấu mốc kèm theo sơ đồ ghi chú vị trí mốc và tình trạng mốc tại thực địa cho cán bộ địa chính cấp xã với sự xác nhận của chủ sử dụng đất nơi đặt dấu mốc; khi hoàn thành dự án đo đạc, đơn vị đo đạc phải bàn giao toàn bộ số lượng dấu mốc kèm theo bản ghi chú điểm cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình khi tiến hành cải tạo hoặc xây dựng công trình nơi có dấu mốc đo đạc có trách nhiệm bảo vệ dấu mốc đo đạc đó, đồng thời phải thông báo với cán bộ địa chính cấp xã.

Điều 10. Lưu trữ, cung cấp thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ

1. Quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15/9/2008 của Chính phủ về việc thu thập quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường, các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND Thành phố.

2. Các tổ chức, cá nhân khi hoàn thành công trình đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi điều chỉnh của bản quy định này, phải bàn giao 01(một) bộ tài liệu, sản phẩm cho các đơn vị theo phân cấp tại khoản 1, 2, 3 Điều 8 của Bản Quy định này để quản lý, khai thác và sử dụng theo quy định.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chuyên môn có chức năng tham mưu, giúp UBND Thành phố thực hiện quản lý Nhà nước về lĩnh vực đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố có trách nhiệm:

1. Trình UBND Thành phố quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm; chương trình, đề án, dự án về lĩnh vực đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố;

2. Xây dựng các kế hoạch, dự án tổng thể về đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, trình UBND Thành phố phê duyệt.

3. Xây dựng hướng dẫn chi tiết khi triển khai thực hiện bản Quy định này.

a) Tham mưu cho UBND Thành phố xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, định mức kinh tế kỹ thuật về lĩnh vực đo đạc và bản đồ trình UBND Thành phố ban hành theo thẩm quyền áp dụng chung trên địa bàn Thành phố.

b) Thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến lĩnh vực đo đạc và bản đồ do các Ngành thuộc thành phố xây dựng trước khi trình UBND Thành phố ban hành.

4. Tổ chức đăng ký và xác nhận đăng ký đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ không thuộc danh mục các hoạt động phải cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Thẩm định hồ sơ của tổ chức xin cấp, gia hạn

hoặc bổ sung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trình Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép theo quy định.

5. Kiểm tra đột xuất và định kỳ việc chấp hành các quy định pháp luật về hoạt động đo đạc và bản đồ của các tổ chức, cá nhân hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố.

6. Hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện việc điều tra, khảo sát, đo đạc, đánh giá, lập và chỉnh lý biến động bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai cấp thành phố.

7. Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý chất lượng các công trình sản phẩm đo đạc và bản đồ; thống nhất quản lý toàn bộ hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ tại địa phương; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ.

8. Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ tại địa phương, bao gồm: hệ thống điểm đo đạc cơ sở, cơ sở dữ liệu nền thông tin địa lý, hệ thống địa danh trên bản đồ, hệ thống bản đồ địa chính, hệ thống bản đồ hành chính, bản đồ nền, bản đồ chuyên đề phục vụ các mục đích chuyên dụng, bản đồ địa hình trong phạm vi thành phố.

9. Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ trên địa bàn Thành phố và kiến nghị với cơ quan quản lý về xuất bản, đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về thể hiện địa giới hành chính các cấp, địa danh thuộc địa phương; ấn phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật hoặc có nội dung vi phạm quy định của Luật Xuất bản.

10. Quản lý các dấu mốc đo đạc, mốc địa giới, chỉ giới, cấp đất; sử dụng và cung cấp các tài liệu, số liệu về hệ thống tọa độ, độ cao thuộc thẩm quyền của Thành phố quản lý theo quy định của pháp luật.

11. Báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, UBND Thành phố định kỳ các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn Thành phố.

12. Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính xây dựng quy định về thu phí kiểm tra, thẩm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ, báo cáo UBND Thành phố xem xét quyết định và tổ chức thực hiện.

Điều 12. Trách nhiệm của các Sở, Ban, Ngành có liên quan

1. Căn cứ tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật về đo đạc và bản đồ chuyên dụng của Bộ, Ngành chủ quản, các Sở, Ban, Ngành có liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn áp dụng phù hợp với điều kiện của Thành phố, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trước khi trình UBND Thành phố ban hành.

2. Các cơ quan có nhu cầu đo đạc và bản đồ bằng nguồn vốn ngân sách trên địa bàn Thành phố phải lập kế hoạch hoặc dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi

trường thẩm định trước khi trình UBND Thành phố phê duyệt để đảm bảo không chồng chéo với các kế hoạch, dự án của các ngành, các đơn vị về đo đạc và bản đồ, trừ các dự án liên quan đến an ninh, quốc phòng.

3. Cơ quan, tổ chức được giao kế hoạch thực hiện các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ bằng nguồn vốn ngân sách của Thành phố phải quản lý kế hoạch hàng năm trên cơ sở dự án được lập theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật do Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND Thành phố ban hành.

Điều 13. Trách nhiệm của UBND cấp huyện, cấp xã

1. Chỉ đạo thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn.

2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân tham gia bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ có trên địa bàn.

3. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ, hoặc các hành vi xâm hại công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải có biện pháp ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền, đồng thời báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản.

4. Chỉ đạo cán bộ chuyên môn thường xuyên bổ sung chỉnh lý biến động về đất đai ở thực địa lên bản đồ cho phù hợp với hiện trạng.

Điều 14. Xử lý vi phạm trong hoạt động đo đạc và bản đồ

Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ thì bị xử phạt theo quy định tại Điều 169, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai 2003 và Nghị định số 30/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Quy định này được triển khai thống nhất trên địa bàn Thành phố. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các vướng mắc, các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, báo cáo UBND Thành phố chỉ đạo giải quyết./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Hồng Khanh